

# LUYỆN TẬP ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC

(1 tiết)

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được bốn yêu cầu đọc - hiểu văn bản văn học.
- Biết vận dụng các yêu cầu đó vào đọc - hiểu các văn bản văn học.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. SGK nêu ra bốn yêu cầu đọc - hiểu văn bản văn học, bắt đầu từ việc đọc - hiểu nghĩa của từ và ý nghĩa của câu, đoạn ; đọc - hiểu mạch ý của đoạn văn, bài văn ; cảm nhận hình tượng văn học đến chỗ biết khái quát tư tưởng, quan điểm của đoạn trích và của tác phẩm. Đó là các bước HS phải thực hiện trong quá trình đọc - hiểu văn bản văn học.

2. Bài học không nhắc lại lí thuyết, mà nêu ra các bài tập thực hành. Ví dụ lấy trong SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao*, phần đã học.

3. Do thời lượng có hạn, GV nên lựa chọn cách thực hiện, có câu hỏi chỉ lướt qua, có câu hỏi dừng lại, tùy tình hình thực tế của HS nhằm giúp các em thấy được việc đọc - hiểu văn bản văn học cần phải đầu tư suy nghĩ, không thể học qua loa mà đạt được.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

GV tiến hành dạy học theo bốn yêu cầu đọc - hiểu đã nêu.

#### 1. Đọc - hiểu nghĩa của từ và ý nghĩa của câu, đoạn trong văn bản văn học

GV hướng dẫn HS trả lời ba câu hỏi, yêu cầu HS giải thích lí do lựa chọn.

Gợi ý :

a) SGK nêu hai câu cuối trong bài *Tổ lòng* và yêu cầu trả lời theo lối trắc nghiệm. Câu trả lời đúng là B. Câu A là sai, vì Phạm Ngũ Lão không có gì phải hổ thẹn khi "nghe chuyện Vũ hầu". Câu C cũng không ổn, vì không có giả thiết nào đặt ra trong bài thơ.

b) Về sáu câu trích trong bài *Đại cáo bình Ngô* :

Sáu câu văn đặt song song bên nhau, không có các từ liên kết, thể hiện một ý chung. Đáp án đúng hơn cả là A, vì đoạn trích chỉ "uy lực phi thường của nghĩa quân Lam Sơn". Đáp án B chỉ liệt kê mà không nói được ý chung cả đoạn. Đáp án C đã nói được hai chữ "sức mạnh" nhưng thiếu nội dung "uy lực" rất đáng sợ. Sự sụp đổ của quân Minh là hệ quả của uy lực nghĩa quân Lam Sơn, chứ không phải nội dung chính của đoạn văn.

c) Từ hai ví dụ trên, GV cho HS thấy ý chính của thơ văn nhiều khi thể hiện ở ngoài lời, ở phía sau các từ ngữ.

#### 2. Đọc - hiểu mạch ý của đoạn văn

GV nêu yêu cầu, gọi HS giải các bài tập.

Gợi ý :

a) Đoạn văn ở bài *Hiển tài là nguyên khí của quốc gia* (Thân Nhân Trung) có hai ý liên tục nhau. Ý đầu ở trong câu văn thứ nhất. Trong câu này, ý chính có quan hệ nhân - quả. Câu thứ hai là hệ quả của câu trước. Ý chính của đoạn : Một khi đã thừa nhận tư tưởng hiển tài là nguyên khí quốc gia, thì các thánh đế minh vương phải ra sức vun trồng hiển tài.

b) Đọc các phần trong bài *Tựa "Trích điểm thi tập"* (Hoàng Đức Lương), đặt tên cho các đoạn, chỉ ra mối liên hệ của chúng. Bài văn có hai phần lớn : phần một nêu các lí do làm cho thơ văn không lưu truyền hết ở đời ; phần hai nêu lí do soạn sách *Trích điểm thi tập*. Mỗi phần có các đoạn nhỏ, phân biệt nhau bằng dấu chấm xuống dòng. Ở phần một có năm đoạn nhỏ, có thể tóm tắt sáu lí do như sau :

– Thơ văn có cái hay, cái đẹp ít người hiểu được mà chỉ có thi nhân mới thấy được điều đó.

– Người có học thì ít quan tâm sưu tập văn thơ.

– Có người quan tâm thì "lực bất tòng tâm" vì không đủ năng lực và tính kiên trì.

– Có lệnh của nhà vua mới được làm sách văn thơ.

– Sự huỷ hoại sách vở của thời gian.

– Sự huỷ hoại của binh lửa.

Sáu lí do sắp xếp theo trật tự như sau : bắt đầu bằng lí do đặc trưng của văn thơ. Tiếp đến là lí do về con người. Sau đó là lí do về pháp luật và cuối cùng là lí do về thời gian và binh lửa.

Phần hai của bài *tựa* gồm hai đoạn nhỏ. Đoạn 1 nêu yêu cầu xây dựng nền tảng văn chương của dân tộc. Đoạn 2 bày tỏ sáng kiến và trách nhiệm làm sách.

Mối quan hệ giữa phần 1 và phần 2 tương tự như quan hệ thực trạng và giải pháp.

c) Bố cục đặc biệt của hai đoạn văn *Thái phó Tô Hiến Thành* và *Thái sư Trần Thủ Độ* thể hiện bút pháp theo ý kiến B. Ý kiến A cũng đúng, song chưa sát với dụng ý của người viết sử.

### 3. Cảm nhận hình tượng văn học

GV hướng dẫn HS nắm bắt các chi tiết có ý nghĩa của hình tượng.

*Gợi ý :*

a) Những chi tiết hay và độc đáo trong truyện *Chử Đồng Tử* :

– Tình cảnh khốn cùng của hai cha con (nghèo đến mức chỉ có một chiếc khố) ;

– Cuộc kì ngộ của Chử Đồng Tử và Tiên Dung ;

– Các chi tiết thể hiện tính cách mạnh mẽ, tự do của Tiên Dung,...

b) Bài thơ *Nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm là lời tự bạch của một người ở ẩn, thích nhàn dật. Hình tượng người ở ẩn trong bài, qua lời thơ trữ tình có những đặc điểm sau :

- Sống nhàn dật, ung dung, thư thái ;
- Xa lánh nơi phồn hoa, cửa quyền, chỉ chọn nơi vắng vẻ ;
- Sinh hoạt hằng ngày giản dị theo nhịp điệu bốn mùa của tự nhiên ;
- Nhìn phú quý như chiêm bao, nhìn đời như giấc mộng.

#### 4. Khái quát tư tưởng, quan điểm của tác phẩm và đoạn trích.

a) Tư tưởng trong *Tựa "Trích điểm thi tập"* : Sự hiểu biết sâu sắc về thực trạng văn thơ nước nhà, lòng yêu mến, tự hào và tinh thần trách nhiệm đối với các giá trị thi ca dân tộc.

b) Trong ba khái quát A, B, C, khái quát B chỉ nêu được một nội dung bộ phận. Khái quát A cũng chưa toàn diện. Khái quát C là phù hợp nhất.

5. Đối với câu này, GV nêu câu hỏi và gợi ý HS trả lời miệng, nêu yêu cầu của các bước đọc - hiểu.

6. GV yêu cầu từ một đến hai HS nêu được vai trò của thể nghiệm, tưởng tượng, liên tưởng trong việc đọc - hiểu (ví dụ khi đọc câu văn có sử dụng biện pháp so sánh, ẩn dụ như "Nổi gió to trút sạch lá khô - Thông tổ kiến phá toang đê vỡ" thì phải có tưởng tượng, liên tưởng mới cảm nhận hết ý nghĩa của chúng).